ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO
Phát triển giáo dục nông thôn và kết quả thực hiện Tiêu chí số 05 về Trường học, Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NÔNG THÔN

1. Công tác tham mưu văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới về phát triển giáo dục

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố, Sở GD&ĐT đã tham mưu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí phát triển giáo dục nông thôn:

- Hướng dẫn số 2609/HDLS-GDĐT-LĐTBXH ngày 18/10/2011 về Hướng dẫn thực hiện tiêu chí tỷ lệ lao động qua đào tạo tại xã nông thôn mới;

- Quyết định số 1406/QĐ-GDĐT-TC ngày 22/9/2014 về thành lập Ban chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo về Chương trình xây dựng nông thôn mới;

- Thông báo số 2409/GDĐT-GDTX ngày 21/7/2014 về triển khai chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương hỗ trợ cho các xã xây dựng nông thôn mới;

- Công văn số 3923/GDĐT-GDTX ngày 04/12/2015 về góp ý hoàn thiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn mới Thành phố Hồ Chí Minh giai đạon 2016 – 2020;

- Công văn số 4113/GDĐT-KHTC ngày 13/12/2015 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông báo số 2818/GDĐT-GDTX ngày 24/8/2016 về kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thông báo số 3431/GDĐT-GDTX ngày 10/10/2016 về hướng dẫn thực hiện, chủ trì tổ chức xét công nhận xã đạt các tiêu chí trường học và giáo dục trong bộ tiêu chí về nông thôn mới.

- Thông báo số 68/GDĐT-GDTX ngày 10/01/2017 về hướng dẫn thực hiện các noội dung có điều chỉnh liên quan các tiêu chí giáo dục trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Kế hoạch số 248/GDĐT-GDTX ngày 25/01/2017 về khảo sát Bộ tiêu chí về Nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai

đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ;

- Công văn số 247/GDĐT-GDTX ngày 25/01/2017 về phân công nhiệm vụ thực hiện tiêu chí trường học và giáo dục trong nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Công văn số 4217/LS-GDĐT-LĐTBXH ngày 30/11/2018 về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định công nhận xã đạt các tiêu chí trường học và giáo dục đào tạo trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND;

- Thông báo số 923/GDĐT-TrH ngày 22/3/2019 về hướng dẫn báo cáo, lập kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường Trung học phổ thông;

- Thông báo số 1997/GDĐT-TrH ngày 13/6/2019 về hướng dẫn kiểm tra, đánh giá cơ sở giáo dục đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo tiêu chí Nông thôn mới;

- Các thông báo về khảo sát thực tế tiêu chí giáo dục tại các Huyện hàng năm, các công văn xác nhận mức độ đạt tiêu chí tại các Xã xây dựng nông thôn mới; thực hiện chủ trương hỗ trợ cho các xã xây dựng nông thôn mới;

- Các kế hoạch hàng năm về thực hiện xây dựng nông thôn mới, kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm.;

- Thực hiện các quy định và chế độ báo cáo với Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của thành phố, kiện toàn Ban chỉ đạo của Sở GD&ĐT về xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát, giải pháp thực hiện Chương trình nông thôn mới; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề xuất liên quan đến phát triển giáo dục

Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phổ cập, điều tra cập nhật số liệu trẻ em 5 tuổi đến trường. Thực hiện nghiêm túc chính sách hỗ trợ cho trẻ em hộ nghèo, trẻ khuyết tật và trẻ em vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Đảm bảo chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên mầm non theo quy định.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực cho Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục - chống mù chữ; giáo dục cho người dân, đặc biệt là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn nhận thức được tầm quan trọng của việc biết chữ đối với cuộc sống của cá nhân, gia đình và sự phát triển của cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác tham mưu cho các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đưa chương trình, kế hoạch chống mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ vào trong chương trình công tác dài hạn và hằng năm của các huyện, xã; đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong hệ thống chính trị, các cơ quan thông tấn báo

chí, qua sinh hoạt chi bộ, tổ dân phố về ý nghĩa, lợi ích của việc học xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

Phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội tại địa phương tăng cường công tác quản lý trình độ dân cư các đoàn viên, hội viên, thành viên của tổ chức mình trên địa bàn, tổ chức và duy trì liên tục các hoạt động thông tin tuyên truyền ý nghĩa, mục đích của công tác xóa mù chữ đến từng người dân đặc biệt là người mù chữ, hoặc chưa học hết bậc tiểu học, nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học; vận động thành viên của tổ chức mình tham gia tập huấn để trở thành giáo viên xóa mù chữ.

Liên kết với các trường sư phạm tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn cho giáo viên. Đẩy mạnh công tác tham mưu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng đồ chơi theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 2 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trang bị đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đặc biệt là trẻ 5 tuổi.

Thực hiện có chất lượng chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và thực hiện chương trình; tập huấn phần mềm thống kê số liệu, hướng dẫn sử dụng các biểu mẫu báo cáo, thống kê, các phụ lục theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ công tác phổ cập giáo dục mầm non cho cán bộ huyện, xã.

Thông qua chỉ đạo của Ngành và Nghị quyết của cấp ủy các cấp, các đã xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch và tổ chức tổng kết kịp thời hoạt động phổ cập giáo dục của địa phương hàng năm.

Tổ chức rà soát, phân loại xã để nắm tình hình dân số độ tuổi và sắp xếp lại hệ thống mạng lưới trường lớp cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, dân cư của địa phương.

Các phường, xã đã được tập huấn lại việc cập nhật phần mềm phổ cập giáo dục theo mẫu mới từ năm 2015, hiện máy chủ đã được chủ động nên việc tổ chức điều tra, cập nhật thường xuyên được thuận lợi, đảm bảo tính chính xác các loại hồ sơ, sổ sách theo nội dung kiểm tra quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các huyện, xã đã duy trì và tiếp tục huy động, vận động tất cả trẻ trong độ tuổi ra lớp đồng thời có biện pháp hữu hiệu để duy trì 100% trẻ đi học. Khảo sát và điều tra số trẻ đang học các lớp không chính quy chuyển sang học tại các trường, lớp chính quy; các trường tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động đưa trẻ ra lớp thông qua "Ngày toàn dân đưa trẻ tới trường" của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các phường, xã đã căn cứ vào dân số độ tuổi do chính quyền quản lí, lập danh sách gọi trẻ đúng 6 tuổi ra lớp Một vào tháng trước của ngày khai giảng năm học.

Cơ quan thông tin, truyền thông biên soạn và in ấn các tài liệu truyền thông (tờ rơi, áp phích, băng rôn, quảng cáo …) phục vụ công tác tuyên truyền chống mù chữ, nhằm huy động người tham gia học các lớp xóa mù chữ, cử cán bộ, giáo viên, sinh viên học sinh đến tận từng gia đình vận động thuyết phục; tăng cường các hình thức tổ chức lớp học đa dạng, linh hoạt phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền đặc thù. (1 kèm 1; nhóm nhỏ từ 2 đến 5 người).

Xây dựng các mô hình xóa mù chữ phù hợp với đặc thù của từng vùng miền, nhóm đối tượng người học như: Trung tâm học tập cộng đồng để dạy xóa mù chữ ở các khu vực biên phòng, các xã - phường, thị trấn, phụ nữ và trẻ em, trẻ em lang thang cơ nhỡ; trung tâm giáo dục thường xuyên dạy xóa mù chữ cho người lao động ở các khu công nghiệp; trường giáo dục chuyên biệt các huyện, dạy xóa mù chữ cho các trẻ lớn tuổi chậm phát triển; trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố dạy xóa mù chữ cho những người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn tại các trường, trại. Các cơ sở giáo dục tạo mọi điều kiện thuận lợi để người mù chữ đến lớp về thời gian, phương tiện và điều kiện học tập.

Tiếp tục phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng hiện có; các trung tâm mở nhiều lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ kết hợp các chuyên đề về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư…; các chuyên đề cung cấp kỹ năng sống cho các đối tượng trong cộng đồng, với hình thức tổ chức phong phú, đa dạng và thời gian linh hoạt.

Tăng cường sự hỗ trợ về tài chính của Nhà nước cho công tác chống mù chữ: ban hành văn bản hỗ trợ về tài chính của Nhà nước cho công tác chống mù chữ, điều chỉnh cơ chế tài chính, định mức chi phù hợp với điều kiện thực tế nhằm để cơ sở yên tâm thực hiện nhiệm vụ xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan, các huyện tiếp tục thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt với các giải pháp cụ thể như sau:

Giữ vững quy hoạch đất theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố đã được phê duyệt, không giảm bớt, thu hẹp diện tích đất dành cho giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh tiến độ giải tỏa, đền bù để xây dựng trường học ở các huyện; Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung thêm quỹ đất sạch cho việc xây dựng trường lớp từ các dự án khu dân cư mới, các kho bãi không sử dụng.

Tiếp tục thực hiện tăng cường xây dựng trường, lớp như Kế hoạch đã được phê duyệt đến năm 2020 theo Luật đầu tư công. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để người dân cùng tham gia đầu tư trường học, góp phần gia tăng chỗ học cho học sinh.

Thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện rà soát quy hoạch, ưu tiên phát triển đất giáo dục đảm bảo thực hiện chỉ tiêu có 300 phòng học/10.000 dân trong

độ tuổi từ 3 tuổi đến 18 tuổi đến cuối năm 2020 (kể cả người dân không có hộ khẩu thường trú hoặc diện KT3) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Khuyến khích và hỗ trợ đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phương thức hợp tác công tư, xã hội hóa và tạo điều kiện thuận lợi, hấp dẫn để phát triển các trường ngoài công lập ở các cấp học, bậc học; trường học có yếu tố nước ngoài.

Khi tổ chức lập, thẩm định và duyệt quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp mới phải có chỉ tiêu quy hoạch về quỹ đất cho giáo dục và đào tạo và khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phải gắn với việc xây dựng các trường học để đảm bảo không bị quá tải khi hình thành các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp mới.

Bố trí nguồn vốn bồi thường giải phóng mặt bằng cho toàn bộ quỹ đất đến năm 2020. Đây là giải pháp cơ bản để giữ được quỹ đất cho quá trình phát triển lâu dài (chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ thấp và tính khả thi cao hơn). Trong quá trình quản lý, quỹ đất sẽ được đưa vào xây dựng các trường học phân kỳ đầu tư theo từng năm cụ thể, nếu chưa thực hiện xây dựng thì sẽ được thực hiện dưới hình thức xây dựng công viên cây xanh hoặc giao cho khai thác có thời hạn và bàn giao xây dựng trường học theo kế hoạch.

Thanh lý các cơ sở không đảm bảo tiêu chuẩn, không có nhu cầu sử dụng để tái đầu tư các công trình giáo dục và đào tạo.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn cho các dự án xây dựng các cơ sở giáo dục phổ thông. Vận động nguồn kinh phí từ nguồn xã hội hóa để thực hiện theo phương thức tài trợ, viện trợ; hợp tác công tư từ các tổ chức xã hội, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Hàng quý Ban Chỉ đạo Nông thôn mới Sở Giáo dục và Đào tạo họp giao ban để đánh giá kết quả đạt được của từng tiêu chí, định hướng nội dung công việc để đảm bảo tiến độ đạt các tiêu chí trong từng giai đoạn phù hợp với đặc điểm của từng huyện.

Ban Chỉ đạo Nông thôn mới Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các sở - ngành xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các trường trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo phòng giáo dục và đào tạo 5 huyện kiểm tra, hỗ trợ về chuyên môn dạy và học, phân công đủ giáo viên cho các trường để nâng cao chất lượng dạy và học; thẩm định tiêu chí giáo dục trên địa bàn 56 xã.

Đã cùng với Tổ công tác giúp việc khảo sát đánh giá kết quả và tiến độ thực hiện tiêu chí trường học trên địa bàn 56 xã, phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới 5 huyện góp ý các giải pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; góp ý với Ban Quản lý nông thôn mới các xã các giải pháp duy trì sỹ số học sinh, nâng chất lượng dạy và học để duy trì vững chắc chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học; các giải pháp phân luồng học sinh

sau tốt nghiệp trung học cơ sở; các giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đạt tiêu chí giáo dục.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo (công văn số 247/GDĐT-GDTX ngày 25 tháng 01 năm 2017 về phân công nhiệm vụ thực hiện tiêu chí trường học và giáo dục trong nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; 4217/LS-GDĐT-LĐTBXH về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định công nhận xã đạt các tiêu chí trường học và giáo dục đào tạo trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND, Công văn 1997/GDĐT-Trh về hướng dẫn Kiểm tra, đánh giá cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, …) gửi các phòng chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo 5 huyện xây dựng nông thôn mới để chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực được phân công.

Các trường học được xây dựng mới đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, sử dụng hợp lý cơ sở vật chất và trang thiết bị, phân công cán bộ quản lý và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng điều kiện học hai buổi/ngày cho học sinh.

Hướng dẫn các trường trung học phổ thông kiểm tra các tiêu chí kiểm định chất lượng, tự đánh giá và xây dựng kế hoạch đăng ký đánh giá ngoài và công nhận chuẩn quốc gia.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các nội dung chỉ đạo của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hồ Chí Minh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐỐI VỚI TIÊU CHÍ 5 VÀ TIÊU CHÍ 14

1. Kết quả thực hiện Tiêu chí 5 - Trường học

Đến nay, Thành phố đã hoàn tất quy hoạch mạng lưới trường lớp tại 5 huyện ngoại thành làm cơ sở cho thực hiện xây dựng mạng lưới trường lớp giai đoạn 2020 - 2030. Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các huyện lập quy hoạch đất và lập dự án đầu tư xây dựng trường học các cấp. Quy mô và mạng lưới các cấp học được đầu tư phát triển đồng bộ, kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học hàng năm được ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai.

Các trường đều được trang bị phòng lab, máy vi tính, bảng tương tác… nên thuận lợi trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Các trường đều trang bị đầy đủ tài liệu giảng dạy và bổ sung các đầu sách hay để hỗ trợ giáo viên và học sinh. Đã trang bị bảng tương tác cho các trường trung học cơ sở, trong đó 50% thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, 50% còn lại thanh toán bằng nguồn vốn xã hội hóa.

Qua triển khai xây dựng nông thôn mới, đến nay trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới cơ sở vật chất trường học đã có bước phát triển tốt, nhiều trường học đã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất với trang thiết bị phù hợp và hiện đại.

Thành phố đã hoàn tất quy hoạch mạng lưới trường lớp tại 5 huyện ngoại thành làm cơ sở cho thực hiện xây dựng mạng lưới trường lớp giai đoạn 2020 - 2030. Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các huyện lập quy hoạch đất và lập dự án đầu tư xây dựng trường học các cấp. Quy mô và mạng lưới các cấp học được đầu tư phát triển đồng bộ, kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học hàng năm được ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai.

Đính kèm Phụ lục (Phụ lục 1) kết quả đến tháng 6/2019.

2. Kết quả thực hiện Tiêu chí 14 - Giáo dục và Đào tạo

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Công tác vận động trẻ 5 tuổi ra lớp học chương trình giáo dục mầm non để chuẩn bị vào lớp 1 được thực hiện thường xuyên, liên tục với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể từ huyện đến xã và được triển khai sâu rộng đến từng khu phố, tổ dân phố qua đó tạo được sự đồng thuận và nhận được sự hưởng ứng tích cực trong cán bộ, nhân dân; chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phối hợp tổ chức kiểm tra hồ sơ công tác phổ cập toàn thành phố.

Các huyện có xây dựng kế hoạch và triển khai các văn bản chỉ đạo về công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi. Thực hiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định, đảm bảo tính pháp lý; sắp xếp hợp lý.

Ban chỉ đạo huyện quan tâm thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ em năm tuổi với nhiều biện pháp như: tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện đầu tư xây dựng mới trường lớp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi; đảm bảo đủ số lượng giáo viên cho các lớp 5 tuổi; phối hợp thực hiện tốt công tác điều tra vận động trẻ 5 tuổi ra lớp; tổ chức tập huấn và triển khai các văn bản về công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi… nhằm thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

Đến năm 2019, 5 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (56/56 xã đạt mức độ 3) theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của chính phủ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các huyện nông thôn có ưu thế về kinh phí xây dựng nông thôn mới nên các chỉ tiêu về số trường đạt chuẩn quốc gia, công tác phổ cập giáo dục tiểu học phát triển ổn định và thuận lợi.

Một số xã giáp ranh các quận và gần các khu công nghiệp có biến động về dân số tăng nhanh làm ảnh hưởng đến sĩ số bình quân/lớp tại một số trường học.

2.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Thành phố luôn đảm bảo quy mô trường lớp, tỉ lệ phòng học trên lớp thông qua việc xây dựng qui hoạch mạng lưới trường lớp đúng kế hoạch, quy hoạch và tiến độ. Thành phố luôn chú trọng đến việc đảm bảo cơ sở vật chất, trường học cho học sinh, chú trọng bổ sung, xây dựng đầy đủ các yêu cầu về

phòng chức năng, tận dụng sân chơi, bãi tập, đầu tư trang thiết bị dạy học. Nhiều trường học được đầu tư khang trang, khai thác tốt các nguồn lực xã hội hóa để trang bị nhiều trang thiết bị hiện đại, tiên tiến phục vụ học tập: phòng thí nghiệm ảo, phòng thí nghiệm di động, phong lab hiện đại, tivi, màn hình chiếu,… (Theo phụ lục số 06 đính kèm).

Kết quả: tất cả 5 huyện duy trì kết quả phổ cập giáo dục Trung học cơ sở (3 huyện đạt mức độ 3, 2 huyện đạt mức độ 2), 100% xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Công tác huy động, vận động học sinh đến trường là công việc luôn được Ủy ban nhân dân các cấp, ban ngành, đoàn thể các cấp quan tâm, đặc biệt là quyết tâm thực hiện ở từng địa phương. Công tác này luôn được thực hiện với mức độ hoàn thành vận động trên 99% học sinh ra lớp ở các loại hình.

Nhà trường không chỉ tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chủ động nắm bắt tình hình, hoàn cảnh học sinh, tăng cường các hoạt động hỗ trợ nhằm giảm tỉ lệ bỏ học trong nhà trường mà có sự phối hợp với chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương và tăng cường xã hội hóa qua các hoạt động tài trợ, học bổng nhằm giúp học sinh đến trường. Do vậy, ngành giáo dục của thành phố duy trì được tỉ lệ bỏ học dưới 0,1%.

Các huyện luôn chú trọng nâng cao tỉ lệ học sinh học hai buổi trên ngày, học bán trú. Hằng năm, số lượng trường và số lượng học sinh bán trú ngày càng tăng. Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác tổ chức, quản lý trường dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức quản lý bán trú với xu hướng tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, vệ sinh, thuận lợi và có sự tham gia của các đơn vị xã hội hóa.

2.4. Xóa mù chữ và chống tái mù chữ

Duy trì đều đặn số lượng học viên tham gia các chương trình xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và học các chuyên đề; củng cố kết quả chống mù chữ, chống tái mù chữ. Trung bình mỗi năm huy động trên 3.000 người theo học các lớp xóa mù chữ, trên 5.000 người theo học chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, hàng năm đã có trên 1 triệu lượt người tham gia các lớp chuyên đề bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng trong các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng nhằm duy trì củng cố kết quả xóa mù chữ.

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng kiểm tra hồ sơ, sổ sách, số liệu công tác chống mù chữ 24 quận, huyện, qua đó đánh giá kết quả đạt được trong từng năm; giao chỉ tiêu xóa mù chữ; cấp kinh phí xóa mù chữ; nhận định kết quả thực hiện trong kỳ giao ban và sơ kết nhiệm vụ xây dựng học tập.

Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác chống mù chữ tại các uyện, trung tâm giáo dục thường xuyên các ngành và đoàn thể nhằm kịp thời động viên những nơi làm tốt. Các huyện, đơn vị đã làm tốt nhiệm vụ xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, có chế độ chính sách kịp

thời hỗ trợ người dạy và người học góp phần thực hiện có hiệu quả công tác chống mù chữ tại địa phương, đơn vị.

Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục các cấp luôn đạt những kết quả tích cực, tỷ lệ người biết chữ tăng hàng năm, tỷ trọng biết chữ giữa nam và nữ ổn định, công tác chỉ đạo của các huyện đã quan tâm đến phụ nữ, trẻ em thiệt thòi và người khuyết tật. Tuy nhiên số lượng học viên ra lớp chưa đạt yêu cầu đề ra do chi phí thù lao cho giáo viên chưa thỏa đáng không thu hút được người dạy; còn tâm lý tự ái vì lớn tuổi nên không ra lớp.

Đính kèm phụ lục (Phụ lục 2) đến tháng 6/2019.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi, kết quả đạt được

Được sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo thành phố, công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, được thực hiện nề nếp, giữ vững kết quả đạt được nhiều năm; công tác đầu tư xây dựng trường, lớp đạt được tiến độ nhanh chóng, hệ thống trường lớp ngày càng phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng điều kiện học tập tốt cho học sinh người dân các huyện của thành phố.

Huyện ủy các huyện quán triệt và chỉ đạo sâu sát công tác xây dựng nông thôn mới, giao trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các phòng, ban của huyện. Ban chỉ đạo các quận, huyện quan tâm thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện đầu tư xây dựng mới trường lớp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi; triển khai các văn bản về công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ nhằm thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đội ngũ làm công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ được phân công rõ ràng, được bồi dưỡng, tập huấn và nắm rõ tầm quan trọng của công tác này, luôn thể hiện trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Khó khăn, hạn chế, tồn tại

Công tác lập kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện chương trình của đơn vị thụ hưởng còn chậm làm ảnh hưởng đến công tác điều hành chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình. Năng lực quản lý và triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới ở một số huyện còn hạn chế dẫn đến không có khả năng giải ngân hết số vốn được giao.

Việc phát triển đô thị làm thay đổi địa bàn dân cư có ảnh hưởng lớn đến công tác điều tra vì số trẻ trong độ tuổi không còn cư ngụ tại địa phương nhưng hộ khẩu vẫn còn nên khó tránh khỏi sai sót khi cập nhật dữ liệu (thiếu hoặc trùng lặp thông tin về trẻ).

Tốc độ đô thị hóa cao, dân số tăng nhanh, ảnh hưởng đến sĩ số bình quân/lớp. Số lượng học sinh tại một số trường học còn cao, vượt quá tiêu chuẩn 45 học sinh/lớp. Vì vậy quy định về số lớp học/trường, số học sinh/lớp tại nhiều trường học chưa đảm bảo theo quy định.

Một số trường được xây dựng đã lâu, cơ sở vật chất xuống cấp, không đáp ứng được tiêu chuẩn về diện tích, các phòng chức năng theo quy định mới của Bộ GD&ĐT nên cần xây dựng, sửa chữa và nâng cấp. Tuy nhiên, công tác rà soát, kiểm tra để xin cấp nguồn vốn chưa kịp thời. Một số xã được cấp vốn thì còn chậm về hồ sơ, thủ tục để khởi công hoặc vướng quy hoạch, công tác bồi thường, giải quyết tranh chấp đất, giải phóng mặt bằng.

Ở các cơ sở giáo dục và các xã, người làm công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hầu hết là kiêm nhiệm, lớn tuổi; hiện nay chưa có các quy định cụ thể về nhân sự cho công tác này nên chuyên trách phổ cập thường xuyên biến động, thay đổi dẫn đến công tác theo dõi, điều tra còn bị động, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Ngoài ra, chính sách lương bổng và đãi ngộ còn chưa thu hút được giáo viên về công tác tại các vùng nông thôn ngoại thành.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư (TT) mới về Chuẩn quốc gia đối với trường học: TT17, TT18, TT19 năm 2018 có nhiều điểm khác biệt để đánh giá chuẩn quốc gia đối với trường học: Phải đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức 2 mới đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Tăng cường công tác giáo dục toàn diện học sinh, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đảm bảo dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Thực hiện công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất. Thực hiện chính sách, công tác xã hội hóa giáo dục để huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển giáo dục

Tiếp tục đầu tư xây dựng trường lớp theo quy hoạch đã được phê duyệt, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với sự phát triển đồng thời nâng cấp hệ thống trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, dạy nghề, … để đáp ứng nhu cầu giáo dục và đào tạo. Chỉ đạo các quận, huyện thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS một cách có hiệu quả.

Ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể về việc thực hiện chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ chuyên trách ở các quận, huyện, phường, xã, thị trấn phù hợp với tình hình mới để đội ngũ này yên tâm công tác. Có ché độ đãi ngộ đối với người làm công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ tại các xã, các trường mầm non, trường phổ thông.

Tăng cường công tác phối hợp với Huyện ủy, UBND huyện, Văn phòng điều phối nông thôn mới của huyện đầu tư nguồn lực, tài chính, giải quyết hồ sơ, thủ tục về đầu tư xây dựng, khởi công các công trình trường học; Giao cho Phòng GD&ĐT chủ động kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Quy hoạch mạng lưới trường, lớp, phân bổ chi tiêu tuyển sinh cho các trường phù hợp với địa bàn dân cư các huyện, xã. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn cho trường Trung học phổ thông (THPT); đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác Tự đánh giá, đăng ký đánh giá ngoài đối với các Trường Trung học phổ thông, phấn đấu đầu năm 2020 các huyện có trường THPT đạt Chuẩn quốc gia.

Phấn đấu đến 31/12/2019, 54/56 xã đạt chuẩn Tiêu chí Trường học và Giáo dục và đào tạo, trong đó:

- Huyện Củ Chi: 20/20 xã.
- Huyện Hóc Môn: 10/10 xã.
- Huyện Bình Chánh: 14/14 xã.
- Huyện Nhà Bè: 4/6 xã.
- Huyện Cần Giờ: 6/6 xã.

5. Đề xuất, kiến nghị

Do điều kiện đặc thù của thành phố, mật độ dân số cao, các tiêu chuẩn của Trường THPT đạt chuẩn quốc gia còn rất nhiều khó khăn khi thực hiện Thông tư 18 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (như Trường THPT phải qua 01 khóa đào tạo (3 năm) mới đủ điều kiện Kiểm định chất lượng, nhiều tiêu chí đánh giá phải dựa vào kết quả 05 năm hoạt động của nhà trường, …), Sở GD&ĐT đề xuất với Ban chỉ đạo: các Trường THPT mới thành lập (THCS và THPT Thạnh An – Cần Giờ; THPT năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh, THPT Phong Phú – Bình Chánh; THPT Tân Hiệp – Hóc Môn), sau 05 năm hoạt động mới đưa vào danh sách Trường THPT tham gia xem xét chuẩn quốc gia theo Tiêu chí Trường học.

Tiếp tục đầu tư xây dựng trường lớp theo quy hoạch đã được phê duyệt, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với sự phát triển đồng thời nâng cấp hệ thống trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, dạy nghề, … để đáp ứng nhu cầu giáo dục và đào tạo. Sở GD&ĐT đề xuất giải quyết kịp thời về nguồn vốn cơ sở vật chất trường học, giải phóng mặt bằng và khởi công các công trình trường học đúng tiến độ. Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các dự án trường học trên địa bàn, ưu tiên bố trí kế hoạch về vốn để triển khai đầu tư xây dựng các dự án trường học đủ điều kiện thực hiện trên địa bàn huyện theo phân kỳ hàng năm, 5 năm sau năm 2020./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
Tiêu chí 14

TỔNG HỢP TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG HUYỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, THÁNG 06 NĂM 2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	HUYỆN	*14.1 PC GD MN- TiH-THCS- XMC (theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014)*																						*14.2 Tỷ lệ HS TN THCS*				*14.3- TL LĐ có việc làm*				Đánh giá chung
		Phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi							Tỷ lệ xóa mù chữ : Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 biết chữ				Tỷ lệ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi (Mức 2)							Tỷ lệ phổ cập THCS (Mức 2)				Tỷ lệ Số học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 các loại hình				Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm				
		Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp			Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình MN			*Đánh giá*	Mức 2 - hoàn thành lớp 5			*Đánh giá*	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1			Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học			*Đánh giá*	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				Theo tỷ lệ của vùng			*Đánh giá*	Theo quy định của vùng			*Đánh giá*	
		TS	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*Đánh giá*	*TS HS TN*	*Số tiếp tục học*	*Tỷ lệ*		*TS 15t*	*Số có việc làm*	*Tỷ lệ*		
1	Bình Chánh	8298	8298	100,00	7375	7366	99,9	Đạt	328756	327711	99,68	Đạt	*9587*	9587	100	7002	6781	96,84	Đạt	18814	18240	96,95	Đạt	5811	5693	97,97	Đạt	310460	264144	85,08	Đạt	Đạt
2	Củ Chi	5079	5079	100,00	5079	5079	100,0	Đạt	209470	208372	99,48	Đạt	*6144*	6144	100	5703	5609	98,35	Đạt	17336	16128	93,03	Đạt	4549	4437	97,54	Đạt	157187	135192	85,16	Đạt	Đạt
3	Cần Giờ	1151	1151	100,00	1151	1151	100,0	Đạt	38581	36623	95	Đạt	*1163*	1163	100	969	937	96,70	Đạt	3693	3390	91,80	Đạt	1031	957	92,82	Đạt	28356	24194	85,32	Đạt	Đạt
4	Hóc Môn	2563	2551	99,53	3606	3606	100,0	Đạt	129512	129381	99,90	Đạt	*3606*	3606	100	3851	3837	99,64	Đạt	11429	11123	97,32	Đạt	2882	2835	98,37	Đạt	140267	124478	88,74	Đạt	Đạt
5	Nhà Bè	1328	1328	100,00	1328	1320	99,4	Đạt	46159	45703	99,01	Đạt	*1465*	1465	100	1087	1080	99,36	Đạt	4227	4154	98,27	Đạt	1268	1266	100	Đạt	50325	43391	83,94	Đạt	Đạt
	Tổng cộng:	**18419**	**18407**	**99,9**	**18539**	**18522**	**99,9**	**Đạt**	**752478**	**747790**	**99,38**	**Đạt**	**21965**	**21965**	**100**	**18612**	**18244**	**98,02**	**Đạt**	**55499**	**53035**	**95,56**	**Đạt**	**15541**	**15188**	**97,73**	**Đạt**	**686595**	**591399**	**86,14**	**Đạt**	**Đạt**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
TIÊU CHÍ 5

Báo cáo tổng hợp Tiêu chí 05 - Trường học của các Huyện đến tháng 06 -2019
(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	HUYỆN		Bậc học Mầm Non			Bậc Tiểu học			Bậc Trung học cơ sở			Bậc Trung học phổ thông			Số xã đạt
		Số xã	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	
1	Bình Chánh	14	25	22	3	28	12	16	16	14	2	5	0	5	11
2	Cần Giờ	6	9	8	1	14	12	2	7	7	0	4	0	4	4
3	Củ Chi	20	27	23	4	36	32	4	22	22	0	6	0	6	14
4	Hóc Môn	10	13	11	2	21	17	4	10	9	1	5	0	5	5
5	Nhà Bè	6	8	8	0	11	11	0	7	7	0	3	0	3	6
TỔNG CỘNG		**56**	**82**	**72**	**10**	**110**	**84**	**26**	**62**	**59**	**3**	**23**	**0**	**23**	**40**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Bình Chánh tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
1	Phong Phú	2	2	MN Hướng Dương' MN Hướng Dương 2			2	1	TH Phong Phú 2	1	TH Phong Phú	1	1	THCS Phong Phú								
2	Đa Phước	1	1	MN Ngọc Lan			1	1	TH Nguyễn Văn Trân			1	1	THCS Đa Phước			1	1	THPT Đa Phước			
3	Qui Đức	1	1	MN Phong Lan			1	1	TH Qui Đức			1	1	THCS Qui Đức								
4	Hưng Long	1	1	MN Quỳnh Anh			1			1	TH Hưng Long	1	1	THCS Hưng Long								
5	Tân Quý Tây	2	2	MN Hoa Hồng, MN Hoa Hồng 2			2	1	TH Tân Quý Tây 3	1	TH Tân Quý Tây	1	1	THCS Tân Quý Tây								
6	Bình Chánh	1	1	MN Hoa Mai			2	1	TH Trần Nhân Tôn	1	TH Bình Chánh	1	1	THCS Bình Chánh			1	1	THPT Bình Chánh			
7	An Phú Tây	1	1	MN Hoa Lan			2	1	TH An Phú Tây 2	1	TH An Phú Tây	1	1	THCS Nguyễn Văn Linh								
8	Tân Kiên	1	1	MN Ba By			1			1	TH Tân Kiên	1	1	THCS Tân Kiên								
9	Tân Nhựt	2	1	MN Hoa Anh Đào	1	MG Hoa Đào	2	1	TH Tân Nhựt	1	TH Tân Nhựt 6	1	1	THCS Tân Nhựt								

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Bình Chánh tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
10	Bình Lợi	1	1	MG Sen Hồng			1	1	TH Bình Lợi			1	1	THCS Gò Xoài								
11	Lê Minh Xuân	3	3	MN Hoa Sen, MN Hoa Sen 2, MN Hoa Sen 3			3	3	TH Cầu Xáng, TH Lê Minh Xuân 2, TH Lê Minh Xuân 3			1	1	THCS Lê Minh Xuân			2	2	THPT Lê Minh Xuân, THPT NK TDTT Bình Chánh			
12	Phạm Văn Hai	2	2	MN Quỳnh Hương, MN Quỳnh Hương 2			3	1	TH An Hạ	2	TH Phạm Văn Hai, TH Võ Văn Vân	1	1	THCS Phạm văn Hai								
13	Vĩnh Lộc A	3	2	MN Hoa Phượng 1, MN Hoa Phượng Hồng	1	MG Hoa Phượng	4			4	TH Vĩnh Lộc 1, TH Vĩnh Lộc 2, TH Vĩnh Lộc A, TH Huỳnh Văn Bánh	2	1	THCS Đồng Đen	1	THCS Vĩnh Lộc A						

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Bình Chánh tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
14	Vĩnh Lộc B	4	3	MN Hoa Thiên Lý 1, MN Hoa Thiên Lý 2, MN 30/4	1	MN Hoa Thiên Lý	3			3	TH Vĩnh Lộc B, TH Lại Hùng Cường, TH Trần Quốc Toản	2	1	THCS Võ Văn Vân	1	THCS Vĩnh Lộc B	1	1	THPT Vĩnh Lộc B			
Tổng cộng 14 xã:		**25**	**22**	**0**	**3**	**0**	**28**	**12**	**0**	**16**	**0**	**16**	**14**	**0**	**2**	**0**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**
15	Bình Hưng	3	2	MN Thủy Tiên 1, MN Thủy Tiên 2	1	MN Thủy Tiên	2	1	TH Bình Hưng	1	TH Phạm Hùng	1	1	THCS Nguyễn Thái Bình								
16	TT Tân Túc	2	1	MN Hoàng Anh	1	MN Hoàng Anh 2	2	1	TH Tân Túc	1	TH Tân Túc 2	1	1	THCS Tân Túc			1	1	THPT Tân Túc			
Tổng cộng 2 xã		5	3	0	2	0	4	2	0	2	0	2	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0
Tổng cộng 16 xã		**30**	**25**	**0**	**5**	**0**	**32**	**14**	**0**	**18**	**0**	**18**	**16**	**0**	**2**	**0**	**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Cần Giờ tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
1	An Thới Đông	2	1	An Thới Đông	1	Doi Lầu	3	2	An Nghĩa	1	An Thới Đông	2	2	An Thới Đông	0	0	1			1	An Nghĩa	Chưa đạt
									Doi Lầu		0			Doi Lầu	0	0						
2	Bình Khánh	2	2	Bình An	0	0	4	3	Bình Khánh	1	Bình Mỹ	1	1	Bình Khánh	0	0	1			1	Bình Khánh	Chưa đạt
				BÌnh Khánh					Bình Phước													
				0	0	0			Bình Thạnh						0	0						
3	Long Hòa	2	2	Đồng Tranh	0	0	3	3	Đông Hòa	0	0	1	1	Long Hòa	0	0	1					Đạt
									Hòa Hiệp		0									1	Cần Thạnh	
				Long Hòa	0	0			Long Thạnh		0			0	0	0						
4	Lý Nhơn	1	1	Lý Nhon	0	0	2	2	Vàm Sát	0		1	1	0	0	0						Đạt
									Lý Nhơn													
5	Tam Thôn Hiệp	1	1	Tam Thôn Hiệp	0	0	1	1	Tam Thôn Hiệp	0	0	1	1	0	0							Đạt
6	Thạnh An	1	1	Thạnh An	0	0	1	1	Thạnh An	0	0	1	1				1			1	Thạnh An	Đạt
TỔNG CỘNG		**9**	**8**	**0**	**1**	**0**	**14**	**12**	**0**	**2**	**0**	**7**	**7**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Củ Chi tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
1	Tân Phú Trung	2	1	MN Tân Phú Trung 1	1	MN Tân Phú Trung 2	3	3	TH Tân Phú, TH Tân Phú Trung, TH Nguyễn Thị Lắng			1	1	THCS Tân Phú Trung								Chưa
2	Tân Thông Hội	4	2	MN Tân Thông Hội 1, Tân Tân Thông Hội 2	2	MN Tân Thông Hội 3, Tân Thông Hội 4	3	2	TH Tân Tiến, TH Tân Thông	1	TH Tân Thông Hội	2	2	THCS Tân Tiến, THCS Tân Thông Hội			1	1	THPT Tân Thông Hội			Chưa
3	Tân An Hội	2	1	MN Tân An Hội 2	1	MN Tân An Hội 1	3	3	TH Liên Minh Công Nông, TH Nguyễn Văn Lịch, TH Lê Thị Pha			1	1	THCS Tân An Hội								Chưa
4	Phước Vĩnh An	1	1	MN Phước Vĩnh An			2	1	TH Trần Văn Chẩm	1	TH Phước Vĩnh An	1	1	THCS Phước Vĩnh An								Chưa
5	Phước Hiệp	1	1	MN Phước Hiệp			1	1	TH Phước Hiệp			1	1	THCS Phước Hiệp								Đạt
6	Phước Thạnh	1	1	MN Phước Thạnh			2	2	TH An Phước, TH Phước Thạnh			1	1	THCS Phước Thạnh			1	1	THPT Quang Trung			Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Củ Chi tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
7	Thái Mỹ	1	1	MN Thái Mỹ			1	1	TH Thái Mỹ			1	1	THCS Nguyễn Văn Xơ								Đạt
8	Trung Lập Hạ	1	1	MN Trung Lập Hạ			2	2	TH Lê Văn Thế, TH Trung Lập Hạ			1	1	THCS Trung Lập Hạ								Đạt
9	Trung Lập Thượng	1	1	MN Trung Lập Thượng			1	1	TH Trung Lập Thượng			1	1	THCS Trung Lập Thượng			1	1	THPT Trung Lập			Đạt
10	An Nhơn Tây	1	1	MN An Nhơn Tây			2	1	TH An Nhơn Đông	1	TH An Nhơn Tây	1	1	THCS An Nhơn Tây			1	1	THPT An Nhơn Tây			Chưa
11	An Phú	1	1	MN An Phú			2	1	TH An Phú 1	1	TH An Phú 2	1	1	THCS An Phú								Chưa
12	Phú Mỹ Hưng	1	1	MN Hoàng Minh Đạo			1	1	TH Phú Mỹ Hưng			1	1	THCS Phú Mỹ Hưng								Đạt
13	Nhuận Đức	1	1	MN Nhuận Đức			2	2	TH Nhuận Đức 1, TH Nhuận Đức 2			1	1	THCS Nhuận Đức								Đạt
14	Phạm Văn Cội	2	2	MN Phạm Văn Cội 1, Phạm Văn Cội 2			1	1	TH Phạm Văn Cội			1	1	THCS Phạm Văn Cội								Đạt
15	Phú Hòa Đông	1	1	MN Phú Hòa Đông			2	2	TH Phú Hòa Đông 1, TH Phú Hòa Đông 2			1	1	THCS Phú Hòa Đông			1	1	THPT Phú Hòa			Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Củ Chi tháng 06 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
16	Tân Thạnh Tây	1	1	MN Tân Thạnh Tây			1	1	TH Tân Thạnh Tây			1	1	THCS Tân Thạnh Tây								Đạt
17	Tân Thạnh Đông	1	1	MN Tân Thạnh Đông			3	3	TH Tân Thạnh Đông , TH Tân Thạnh Đông 2, TH Tân Thạnh Đông 3			2	2	THCS Tân Thạnh Đông,THCS Tân Trung			1	1	THPT Trung Phú			Đạt
18	Trung An	2	2	MN Trung An 1, MN Trung An 2			1	1	TH Trung An			1	1	THCS Trung An								Đạt
19	Hòa Phú	1	1	MN Hòa Phú			1	1	TH Hòa Phú			1	1	THCS Hòa Phú								Đạt
20	Bình Mỹ	1	1	MN Bình Mỹ			2	2	TH Bình Mỹ, TH Bình Mỹ 2			1	1	THCS Bình Hòa								Đạt
TỔNG CỘNG		**27**	**23**	**0**	**4**	**0**	**36**	**32**	**0**	**4**	**0**	**22**	**22**	**0**	**0**	**0**	**6**	**6**	**0**	**0**		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã thuộc huyện tháng 6 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
1	Nhị Bình	1	1	MG Sơn Ca 3	0	0	1	1	TH Võ Văn Thặng	0		1	1	THCS Đặng Công Bỉnh	0	0	0					Đạt
2	Xuân Thới Đông	1	1	MN Xuân Thới Đông	0	0	2	2	TH Tân Xuân, TH Trần Văn Mười	0		1	1	THCS Tân Xuân	0	0	0					Đạt
3	Đông Thạnh	1	0		1	MN Sơn Ca	3	2	TH Hoàng Hoa Thám TH Trần Văn Danh	1	TH Thới Thạnh	1	1	THCS Đông Thạnh	0	0	1	0		1	THPT Nguyễn Hữu Tiến	Chưa
4	Tân Thới Nhì	1	1	MN Hướng Dương	0	0	2	1	TH Lý Chính Thắng 2	1	TH Nhị Tân	1	1	THCS Lý Chính Thắng 1	0	0	0					Chưa
5	Xuân Thới Sơn	2	2	MN 19/8, MN Nhị Xuân	0	0	2	1	TH Dương Công Khi	1	TH Nhị Xuân	1	1	THCS Nguyễn Hồng Đào	0		1	1	THPT Phạm Văn Sáng	0		Chưa
6	Tân Hiệp	2	1	MN Tân Hòa	1	MN Tân Hiệp	3	3	TH Trương văn Ngài, TH Cầu Xáng, TH Tân Hiệp	0		1	1	THCS Đỗ Văn Dậy	0		0					Chưa

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã thuộc huyện tháng 6 -2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ	Bậc học Mầm Non					Bậc Tiểu học					Bậc Trung học cơ sở					Bậc Trung học phổ thông					ĐÁNH GIÁ đạt/chưa
		Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	Tổng số Trường	Số đạt chuẩn	Tên trường đạt chuẩn	Số chưa đạt chuẩn	Tên trường chưa đạt chuẩn	
7	Bà Điểm	1	1	MN Bà Điểm	0	0	2	2	TH Bùi Văn Ngữ, TH Tây Bắc Lân	0		1	0		1	THCS Phan Công Hớn	1	1	THPT Bà Điểm	0		Chưa
8	Xuân Thới Thượng	1	1	MN Bé Ngoan 3	0	0	2	1	TH Xuân Thới Thượng, TH Ngã Ba Giồng	0		1	1	THCS Xuân Thới Thượng	0	0	1	1	THPT Nguyễn Văn Cừ			Đạt
9	Thới Tam Thôn	2	2	MN Bông Sen, MN 2/9	0	0	2	2	TH Thới Tam, TH Tam Đông 2, TH Tam Đông, TH Nguyễn Thị Nuôi	0		1	1	THCS Tam Đông 1	0	0	1	1	THPT Lý Thường Kiệt	0		Đạt
10	Tân Xuân	1	1	MN Tân Xuân	0	0	2	2	TH Mỹ Hòa, TH Ấp Đình	0		1	1	THCS Tô Ký	0	0	0					Đạt
TỔNG CỘNG		**13**	**11**		**2**		**21**	**17**		**3**		**10**	**9**		**1**		**5**	**4**		**1**		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo thực trạng tiêu chí trường học của từng xã xây dựng nông thôn mới thuộc huyện Nhà Bè tháng 6-2019 (cập nhật đến ngày 15/7/2019)

STT	TÊN TIÊU CHÍ	Bậc học Mầm Non			Bậc Tiểu học			Bậc Trung học cơ sở			Trung học phổ thông			Đạt
		Tổng số	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Tổng số	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Tổng số	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Tổng số	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
TÊN XÃ														
1	Phú Xuân	1	1		2	2		2	2		1		1	
2	Long Thới	1	1		1	1					1		1	
3	Hiệp Phước	2	2		2	2		1	1					
4	Phước Kiển	2	2		3	3		2	2		1		1	
5	Nhơn Đức	1	1		2	2		1	1					
6	Phước Lộc	1	1		1	1		1	1					
TỔNG CỘNG		**8**	**8**	**0**	**11**	**11**	**0**	**7**	**7**	**0**	**3**		**3**	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu
Tiêu chí 14

BÁO CÁO THỰC TRẠNG TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THUỘC HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÁNG 06 NĂM 2019
(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ NTM	*14.1 PC GD MN- TiH-THCS- XMC (theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014)*																									*14.2 Tỷ lệ HS TN THCS*				*14.3- TL LĐ có việc làm*				Đánh giá chung
		Phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi							Tỷ lệ xóa mù chữ : Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 biết chữ				Tỷ lệ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi (Mức 2)							Tỷ lệ phổ cập THCS (Mức 2)				Tỷ lệ Số học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 các loại hình				Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm				
		Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp			Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình MN			Đánh giá	Mức 2 - hoàn thành lớp 5			Đánh giá	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1			Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học			Đánh giá	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				Theo tỷ lệ của vùng			Đánh giá	Theo quy định của vùng			Đánh giá	
		TS	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*Đánh giá*	*TS HS TN*	*Số tiếp tục học*	*Tỷ lệ*		*TS 15t*	*Số có việc làm*	*Tỷ lệ*		
1	Phong Phú	475	475	100%	380	380	100%	Đạt	19.819	19.787	99,84	Đạt	*501*	*501*	100%	322	306	95,03	Đạt	739	715	96,75	Đạt	196	196	100	Đạt	16571	14184	85,6	Đạt	Đạt
2	Đa Phước	285	285	100%	235	235	100%	Đạt	9.084	9.056	99,69	Đạt	*373*	*373*	100%	263	248	94,30	Đạt	933	900	96,46	Đạt	288	287	99,65	Đạt	14102	11989	85,02	Đạt	Đạt
3	Qui Đức	270	270	100%	211	210	99,53%	Đạt	7.652	7.630	99,71	Đạt	*352*	*352*	100%	218	215	98,62	Đạt	718	694	96,66	Đạt	214	214	100	Đạt	6669	5588	83,79	Đạt	Đạt
4	Hưng Long	395	395	100%	468	468	100,0	Đạt	10.887	10.858	99,73	Đạt	*457*	*457*	100%	390	370	94,87	Đạt	837	795	94,98	Đạt	345	330	95,65	Đạt	18476	15238	82,47	Đạt	Đạt
5	Tân Quý Tây	421	421	100%	348	348	100,0	Đạt	13.138	13.111	99,79	Đạt	*527*	*527*	100%	378	375	99,21	Đạt	995	950	95,48	Đạt	301	296	98,34	Đạt	11142	9979	89,56	Đạt	Đạt
6	Bình Chánh	398	398	100%	452	452	100,0	Đạt	13.702	13.674	99,80	Đạt	*526*	*526*	100%	396	388	97,98	Đạt	875	865	98,86	Đạt	253	252	99,60	Đạt	15228	12857	84,43	Đạt	Đạt
7	An Phú Tây	337	337	100%	212	209	98,58	Đạt	4.757	4.744	99,73	Đạt	*305*	*305*	100%	200	191	95,50	Đạt	651	621	95,39	Đạt	142	139	97,89	Đạt	5510	4665	84,66	Đạt	Đạt
8	Tân Nhựt	294	294	100%	268	268	100,0	Đạt	10.365	10.327	99,63	Đạt	*309*	*309*	100%	277	269	97,11	Đạt	850	826	97,18	Đạt	226	223	98,67	Đạt	15870	14504	91,39	Đạt	Đạt
9	Tân Kiên	839	839	100%	648	648	100,0	Đạt	35.213	35.094	99,66	Đạt	*854*	*854*	100%	586	558	95,22	Đạt	1706	1625	95,25	Đạt	503	473	94,04	Đạt	44079	35762	81,13	Đạt	Đạt
10	Vĩnh Lộc A	2285	2285	100%	1966	1966	100,0	Đạt	70.557	70.307	99,65	Đạt	*2624*	*2624*	100%	1323	1281	96,83	Đạt	3548	3478	98,03	Đạt	1059	1034	97,64	Đạt	59356	48297	81,37	Đạt	Đạt
11	Vĩnh Lộc B	1233	1233	100%	1239	1234	99,60	Đạt	74.645	74.372	99,63	Đạt	*1376*	*1376*	100%	1662	1644	98,92	Đạt	4057	3976	98,00	Đạt	1284	1273	99,14	Đạt	53474	48413	90,54	Đạt	Đạt
12	Lê Minh Xuân	403	403	100%	407	407	100,0	Đạt	24.130	24.058	99,70	Đạt	*579*	*579*	100%	382	354	92,67	Đạt	1191	1141	95,80	Đạt	383	371	96,87	Đạt	27029	23021	85,17	Đạt	Đạt
13	Phạm Văn Hai	480	480	100%	416	416	100,0	Đạt	25.801	25.712	99,66	Đạt	*567*	*567*	100%	441	423	95,92	Đạt	1261	1218	96,59	Đạt	449	437	97,33	Đạt	16383	13397	81,77	Đạt	Đạt
14	Bình Lợi	183	183	100%	125	125	100,0	Đạt	9.006	8.981	99,72	Đạt	*237*	*237*	100%	164	159	96,95	Đạt	453	436	96,25	Đạt	168	168	100	Đạt	6571	6250	95,11	Đạt	Đạt
	Tổng cộng 14 xã:	**8298**	**8298**	**100**	**7375**	**7366**	**99,87**	**Đạt**	**328756**	**327711**	**99,68**	**Đạt**	**9587**	**9587**	**100**	**7002**	**6781**	**96,84**	**Đạt**	**18814**	**18240**	**96,95**	**Đạt**	**5811**	**5693**	**97,97**	**Đạt**	**310460**	**264144**	**85,0815**	**Đạt**	**Đạt**
1	Bình Hưng	**847**	**847**	100%	**694**	**694**	100,0		**38.809**	**38.729**	**99,79**		**495**	**495**	100%	**507**	**495**	**97,63**		**1772**	**1735**	97,91		**491**	**483**	**98,37**		**42404**	**38470**	**90,72**		
2	Thị trấn Tân Túc	495	495	100%	341	341	100,0		10.388	10.364	99,77		520	520	100%	354	337	95,20		761	749	98,42		198	197	99,49		9197	8325	90,52		
	Tổng cộng 2 xã	**1342**	**1342**	**100%**	**1035**	**1035**	**100,0**		**49197**	**49093**	**99,79**		**1015**	**1015**	**100%**	**861**	**832**	**96,63**		**2533**	**2484**	**98,07**		**689**	**680**	**98,69**		**51601**	**46795**	**90,69**		
	Tổng cộng 16 xã	**9640**	**9640**	**100**	**8410**	**8401**	**100**		**377953**	**376804**	**99,70**		**10602**	**10602**	**100**	**7863**	**7613**	**96,82**		**21347**	**20724**	**97,08**		**6500**	**6373**	**98,05**		**362061**	**310939**	**85,88**		

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu
Tiêu chí 14

BÁO CÁO THỰC TRẠNG TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THUỘC HUYỆN CỦ CHI, THÁNG 06 NĂM 2019
(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ NTM	*14.1 PC GD MN- TiH-THCS- XMC (theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014)*																						*14.2 Tỷ lệ HS TN THCS*				*14.3- TL LĐ có việc làm*				Đánh giá chung
		Phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi							Tỷ lệ xóa mù chữ : Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 biết chữ				Tỷ lệ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi (Mức 2)							Tỷ lệ phổ cập THCS (Mức 2)				Tỷ lệ Số học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 các loại hình				Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm				
		Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp			Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình MN			Đánh giá	Mức 2 - hoàn thành lớp 5			Đánh giá	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1			Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu			Đánh giá	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				Theo tỷ lệ của vùng			Đánh giá	Theo quy định của vùng			Đánh giá	
		TS	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*Đánh giá*	*TS HS TN*	*Số tiếp tục học*	*Tỷ lệ*		*TS 15t*	*Số có việc làm*	*Tỷ lệ*		
1	Tân Phú Trung	552	552	**100,00**	552	552	**100,00**	**Đạt**	19057	19004	**99,72**	Không	639	639	**100**	530	507	**95,66**	**Đạt**	924	887	**96,00**	**Đạt**	476	476	**100,00**	**Đạt**	14292	12650	88,5%	**Đạt**	Không
2	Tân Thông Hội	422	422	**100,00**	422	422	**100,00**	**Đạt**	18245	18166	**99,57**	Không	582	582	**100**	483	476	**98,55**	**Đạt**	828	753	**90,94**	**Đạt**	388	371	**95,62**	**Đạt**	14109	11535	81,8%	**Đạt**	Không
3	Tân An Hội	347	347	**100,00**	347	347	**100,00**	**Đạt**	16222	16118	**99,36**	Không	423	423	**100**	385	378	**98,18**	**Đạt**	536	488	**91,04**	**Đạt**	316	308	**97,47**	**Đạt**	11421	9436	82,6%	**Đạt**	Không
4	Phước Vĩnh An	209	209	**100,00**	209	209	**100,00**	**Đạt**	11227	11227	**100,00**	**Đạt**	295	295	**100**	250	245	**98,00**	**Đạt**	883	814	**92,19**	**Đạt**	172	169	**98,26**	**Đạt**	1738	1738	100,0%	**Đạt**	**Đạt**
5	Phước Hiệp	192	192	**100,00**	192	192	**100,00**	**Đạt**	7847	7796	**99,35**	Không	207	207	**100**	211	208	**98,58**	**Đạt**	561	533	**95,01**	**Đạt**	161	157	**97,52**	**Đạt**	6179	5668	91,7%	**Đạt**	Không
6	Phước Thạnh	266	266	**100,00**	266	266	**100,00**	**Đạt**	11490	11373	**98,98**	Không	300	300	**100**	300	289	**96,33**	**Đạt**	398	365	**91,71**	**Đạt**	227	221	**97,36**	**Đạt**	8735	7675	87,9%	**Đạt**	Không
7	Thái Mỹ	234	234	**100,00**	234	234	**100,00**	**Đạt**	8660	8660	**100,00**	**Đạt**	205	205	**100**	198	194	**97,98**	**Đạt**	1141	1074	**94,13**	**Đạt**	172	169	**98,26**	**Đạt**	7356	6440	87,5%	**Đạt**	**Đạt**
8	Trung Lập Hạ	155	155	**100,00**	155	155	**100,00**	**Đạt**	6726	6696	**99,55**	Không	158	158	**100**	184	182	**98,91**	**Đạt**	384	360	**93,75**	**Đạt**	131	128	**97,71**	**Đạt**	5352	4973	92,9%	**Đạt**	Không
9	Trung Lập Thượng	213	213	**100,00**	213	213	**100,00**	**Đạt**	8287	8276	**99,87**	Không	247	247	**100**	171	168	**98,25**	**Đạt**	665	618	**92,93**	**Đạt**	143	139	**97,20**	**Đạt**	6892	5886	85,4%	**Đạt**	Không
10	An Nhơn Tây	270	270	**100,00**	270	270	**100,00**	**Đạt**	10290	10290	**100,00**	**Đạt**	275	275	**100**	256	252	**98,44**	**Đạt**	856	784	**91,59**	**Đạt**	*252*	244	**96,83**	**Đạt**	8179	7439	91,0%	**Đạt**	**Đạt**
11	An Phú	156	156	**100,00**	156	156	**100,00**	**Đạt**	6711	6711	**100,00**	**Đạt**	188	188	**100**	176	175	**99,43**	**Đạt**	705	670	**95,04**	**Đạt**	*146*	141	**96,58**	**Đạt**	5453	5030	92,2%	**Đạt**	**Đạt**
12	Phú Mỹ Hưng	117	117	**100,00**	117	117	**100,00**	**Đạt**	4996	4996	**100,00**	**Đạt**	114	114	**100**	385	384	**99,74**	**Đạt**	1287	1205	**93,63**	**Đạt**	110	107	**97,27**	**Đạt**	3759	3014	80,2%	**Đạt**	**Đạt**
13	Nhuận Đức	219	219	**100,00**	219	219	**100,00**	**Đạt**	7671	7671	**100,00**	**Đạt**	234	234	**100**	196	194	**98,98**	**Đạt**	1667	1594	**95,62**	**Đạt**	150	150	**100,00**	**Đạt**	6322	5275	83,4%	**Đạt**	**Đạt**
14	Phạm Văn Cội	136	136	**100,00**	136	136	**100,00**	**Đạt**	4925	4861	**98,70**	Không	157	157	**100**	119	119	**100,00**	**Đạt**	2007	1851	**92,23**	**Đạt**	121	117	**96,69**	**Đạt**	3621	3329	91,9%	**Đạt**	Không
15	Phú Hòa Đông	317	317	**100,00**	317	317	**100,00**	**Đạt**	14377	14283	**99,35**	Không	410	410	**100**	*362*	359	**99,17**	**Đạt**	509	471	**92,53**	**Đạt**	301	295	**98,01**	**Đạt**	11176	9842	88,1%	**Đạt**	Không
16	Tân Thạnh Tây	157	157	**100,00**	157	157	**100,00**	**Đạt**	6161	6161	**100,00**	**Đạt**	235	235	**100**	190	190	**100,00**	**Đạt**	1504	1362	**90,56**	**Đạt**	*110*	108	**98,18**	**Đạt**	4485	4174	93,1%	**Đạt**	**Đạt**
17	Tân Thạnh Đông	552	552	**100,00**	552	552	**100,00**	**Đạt**	21085	21085	**100,00**	**Đạt**	726	726	**100**	621	615	**99,03**	**Đạt**	665	611	**91,88**	**Đạt**	*538*	520	**96,65**	**Đạt**	16466	12947	78,63%	**Đạt**	**Đạt**
18	Trung An	237	237	**100,00**	237	237	**100,00**	**Đạt**	8022	7955	**99,16**	Không	304	304	**100**	196	196	**100,00**	**Đạt**	753	693	**92,03**	**Đạt**	*221*	214	**96,83**	**Đạt**	6685	6116	91,49%	**Đạt**	Không
19	Hòa Phú	173	173	**100,00**	173	173	**100,00**	**Đạt**	7562	7465	**98,72**	Không	213	213	**100**	246	240	**97,56**	**Đạt**	486	455	**93,62**	**Đạt**	*175*	168	**96,00**	**Đạt**	5926	4756	80,26%	**Đạt**	Không
20	Bình Mỹ	155	155	**100,00**	155	155	**100,00**	**Đạt**	**9909**	**9578**	**96,66**	Không	232	232	**100**	244	238	**97,54**	**Đạt**	577	540	**93,59**	**Đạt**	239	235	**98,33**	**Đạt**	9041	7269	80,40%	**Đạt**	Không
	Tổng cộng:	**5079**	**5079**	**100,00**	**5079**	**5079**	**100,00**	**Đạt**	**209470**	**208372**	**99,48**	**Đạt**	**6144**	**6144**	**100**	**5703**	**5609**	**98,35**	**Đạt**	**17336**	**16128**	**93,03**	**Đạt**	**4549**	**4437**	**97,54**	**Đạt**	**157187**	**135192**	**85,16%**	**Đạt**	**Đạt**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu
Tiêu chí 14

BÁO CÁO THỰC TRẠNG TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THUỘC HUYỆN CẦN GIỜ, THÁNG 06 NĂM 2019
(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ NTM	*14.1 PC GD MN- TiH-THCS- XMC (theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014)*																						*14.2 Tỷ lệ HS TN THCS*				*14.3- TL LĐ có việc làm*				Đánh giá chung
		Phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi							Tỷ lệ xóa mù chữ : Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 biết chữ				Tỷ lệ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi (Mức 2)							Tỷ lệ phổ cập THCS (Mức 2)				Tỷ lệ Số học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 các loại hình				Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm				
		Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp			Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình MN			*Đánh giá*	Mức 2 - hoàn thành lớp 5			*Đánh giá*	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1			Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học			*Đánh giá*	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				Theo tỷ lệ của vùng			*Đánh giá*	Theo quy định của vùng			*Đánh giá*	
		TS	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*Đánh giá*	*TS HS TN*	*Số tiếp tục học*	*Tỷ lệ*		*TS 15t*	*Số có việc làm*	*Tỷ lệ*		
1	An Thới Đông	260	260	100	260	260	100	Đạt	8115	7586	93,48	Đạt	257	257	100	203	197	97,04	Đạt	897	825	91,97	Đạt	257	234	91,05	Đạt	6585	5672	86,14	Đạt	Đạt
2	Bình Khánh	390	390	100	390	390	100	Đạt	13896	13240	95,28	Đạt	399	399	100	311	302	97,11	Đạt	1.226	1.118	91,19	Đạt	355	337	94,93	Đạt	8665	7319	84,47	Đạt	Đạt
3	Long Hoà	189	189	100	189	189	100	Đạt	6918	6546	94,62	Đạt	198	198	100	195	188	96,41	Đạt	629	580	92,21	Đạt	174	160	91,95	Đạt	4805	4082	84,95	Đạt	Đạt
4	Lý Nhơn	111	111	100	111	111	100	Đạt	3135	2980	95,06	Đạt	114	114	100	91	88	96,70	Đạt	384	353	91,93	Đạt	109	100	91,74	Đạt	3321	2840	85,52	Đạt	Đạt
5	Tam Thôn Hiệp	117	117	100	117	117	100	Đạt	3832	3758	98,07	Đạt	113	113	100	97	93	95,88	Đạt	364	333	91,48	Đạt	91	84	92,31	Đạt	2562	2172	84,78	Đạt	Đạt
6	Thạnh An	84	84	100	84	84	100	Đạt	2685	2513	93,59	Đạt	82	82	100	72	69	95,83	Đạt	193	181	93,78	Đạt	45	42	93,33	Đạt	2418	2109	87,22	Đạt	Đạt
	Tổng cộng:	**1151**	**1151**	**100**	**1151**	**1151**	**100**	**Đạt**	**38581**	**36623**	**94,92**	**Đạt**	**1163**	**1163**	**100**	**969**	**937**	**96,70**	**Đạt**	**3693**	**3390**	91,80	**Đạt**	**1031**	**957**	**92,82**	**Đạt**	**28356**	**24194**	**85,32**	**Đạt**	**Đạt**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu
Tiêu chí 14

BÁO CÁO THỰC TRẠNG TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG XÃ THUỘC HUYỆN HÓC MÔN, THÁNG 6 NĂM 2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ NTM	*14.1 PC GD MN- TiH-THCS- XMC (theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014)*																							*14.2 Tỷ lệ HS TN THCS*				*14.3- TL LĐ có việc làm*				Đánh giá chung
		Phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi							Tỷ lệ xóa mù chữ : Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 biết chữ				Tỷ lệ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi (Mức 2)							Tỷ lệ phổ cập THCS (Mức 2)				Tỷ lệ Số học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 các loại hình				Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm				
		Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp			Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình MN			Đánh giá	Mức 2 - hoàn thành lớp 5			Đánh giá	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1			Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học			Đánh giá	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				Theo tỷ lệ của vùng			Đánh giá	Theo quy định của vùng			Đánh giá	
		TS	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*Đánh giá*	*TS HS TN*	*Số tiếp tục học*	*Tỷ lệ*		*TS 15t*	*Số có việc làm*	*Tỷ lệ*		
1	Bà Điểm	473	471	99,577	507	507	100	Đạt	23788	23785	99,99	Đạt	*507*	507	100	547	547	100	Đạt	1751	1730	98,80	Đạt	524	509	97,14	Đạt	23788	20294	85,312	Đạt	Đạt
2	Đông Thạnh	396	386	97,475	460	460	100	Đạt	18047	18039	99,96	Đạt	*460*	460	100	457	454	99,344	Đạt	1391	1323	95,11	Đạt	378	372	98,41	Đạt	18047	15411	85,394	Đạt	Đạt
3	Nhị Bình	154	154	100	151	151	100	Đạt	6674	6674	100	Đạt	*151*	151	100	147	147	100	Đạt	527	501	95,07	Đạt	149	144	96,64	Đạt	6674	5758	86,275	Đạt	Đạt
4	Tân Hiệp	234	234	100	381	381	100	Đạt	11775	11772	99,97	Đạt	*381*	381	100	298	298	100	Đạt	1217	1198	98,44	Đạt	227	224	98,68	Đạt	11775	10520	89,342	Đạt	Đạt
5	Tân Thới Nhì	194	194	100	193	193	100	Đạt	13449	13430	99,86	Đạt	*193*	193	100	195	195	100	Đạt	829	794	95,78	Đạt	191	191	100	Đạt	13449	11518	85,642	Đạt	Đạt
6	Tân Xuân	52	52	100	225	225	100	Đạt	5941	5941	100	Đạt	*225*	225	100	382	382	100	Đạt	674	670	99,41	Đạt	161	161	100	Đạt	12101	10562	87,28	Đạt	Đạt
7	Thới Tam Thôn	419	419	100	595	595	100	Đạt	19840	19769	99,64	Đạt	*595*	595	100	620	609	98,226	Đạt	1870	1810	96,79	Đạt	403	396	98,26	Đạt	24435	23176	94,848	Đạt	Đạt
8	Xuân Thới Đông	171	171	100	365	365	100	Đạt	5837	5837	100	Đạt	*365*	365	100	413	413	100	Đạt	1218	1189	97,62	Đạt	347	344	99,14	Đạt	5837	5730	98,167	Đạt	Đạt
9	Xuân Thới Sơn	179	179	100	300	300	100	Đạt	9902	9881	99,79	Đạt	*300*	300	100	386	386	100	Đạt	789	759	96,20	Đạt	201	197	98,01	Đạt	9902	9033	91,224	Đạt	Đạt
10	Xuân Thới Thượng	291	291	100	429	429	100	Đạt	14259	14253	100	Đạt	*429*	429	100	406	406	100	Đạt	1163	1149	98,80	Đạt	301	297	98,67	Đạt	14259	12476	87,50	Đạt	Đạt
	Tổng cộng:	**2563**	**2551**	**99,53**	**3606**	**3606**	**100**	**Đạt**	**129512**	**129381**	**99,90**	**Đạt**	**3606**	**3606**	**100**	**3851**	**3837**	**99,64**	**Đạt**	**11429**	**11123**	97,32	**Đạt**	**2882**	**2835**	**98,37**	**Đạt**	**140267**	**124478**	**88,744**	**Đạt**	**Đạt**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC TRẠNG TIÊU CHÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG XÃ THUỘC HUYỆN NHÀ BÈ, THÁNG 6 NĂM 2019

(Theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND TP)

STT	TÊN XÃ NTM	*14.1 PC GD MN- TiH-THCS- XMC (theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014)*																							*14.2 Tỷ lệ HS TN THCS*				*14.3- TL LĐ có việc làm*				Đánh giá chung
		Phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi							Tỷ lệ xóa mù chữ : Tỷ lệ người trong độ tuổi 15-60 biết chữ				Tỷ lệ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi (Mức 2)							Tỷ lệ phổ cập THCS (Mức 2)				Tỷ lệ Số học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 các loại hình				Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm				
		Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp			Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình MN			*Đánh giá*	Mức 2 - hoàn thành lớp 5			*Đánh giá*	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1			Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học			*Đánh giá*	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				Theo tỷ lệ của vùng			*Đánh giá*	Theo quy định của vùng			*Đánh giá*	
		TS	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*		*TS*	*Số Đạt*	*Tỷ lệ*	*Đánh giá*	*TS HS TN*	*Số tiếp tục học*	*Tỷ lệ*		*TS 15t*	*Số có việc làm*	*Tỷ lệ*		
1	**Phú Xuân**	**324**	**324**	**100**	**324**	**324**	**100**	**Đạt**	**14924**	14887	99,75	**Đạt**	*352*	352	100	329	329	100	**Đạt**	*1211*	1202	99,26	**Đạt**	334	334	100	**Đạt**	10548	10374	83,42	**Đạt**	**Đạt**
2	**Long Thới**	**166**	**166**	**100**	**166**	**166**	**100**	**Đạt**	**4875**	4853	99,55	**Đạt**	*182*	182	100	118	116	98,31	**Đạt**	*407*	404	99,26	**Đạt**	126	126	100	**Đạt**	3976	3220	79,98	**Đạt**	**Đạt**
3	**Hiệp Phước**	**263**	**263**	**100**	**263**	**263**	**100**	**Đạt**	**9134**	9044	99,01	**Đạt**	*278*	278	100	212	212	100	**Đạt**	*742*	725	97,71	**Đạt**	226	226	100	**Đạt**	8875	7370	82,65	**Đạt**	**Đạt**
4	**Nhơn Đức**	**234**	**234**	**100**	**234**	**226**	**96,58**	**Đạt**	**6632**	6496	97,95	**Đạt**	*254*	254	100	164	159	96,95	**Đạt**	*652*	639	98,1	**Đạt**	236	236	100	**Đạt**	9356	7755	81,61	**Đạt**	**Đạt**
5	**Phước Kiển**	**226**	**226**	**100**	**226**	**226**	**100**	**Đạt**	**6740**	6623	98,26	**Đạt**	*289*	289	100	171	171	100	**Đạt**	*835*	811	97,13	**Đạt**	227	225	99,1	**Đạt**	13640	11402	94,11	**Đạt**	**Đạt**
6	**Phước Lộc**	**115**	**115**	**100**	**115**	**115**	**100**	**Đạt**	**3854**	3800	98,6	**Đạt**	*110*	110	100	93	93	100	**Đạt**	*380*	373	98,16	**Đạt**	119	119	100	**Đạt**	3930	3270	81,88	**Đạt**	**Đạt**
	Tổng cộng:	**1328**	**1328**	**100**	**1328**	**1320**	**99,4**	**Đạt**	**46159**	**45703**	**99,012**	**Đạt**	**1465**	**1465**	**100**	**1087**	**1080**	**99,36**	**Đạt**	**4227**	**4154**	**98,27**	**Đạt**	**1268**	**1266**	**99,8**	**Đạt**	**50325**	**43391**	83,94	**Đạt**	**Đạt**